

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **64/2020/DS-ST**

Ngày: 01-9-2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Hiền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Mười**

2. Bà **Trần Thị Diễm Kiều**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Đoàn Ngọc Sơn** – Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên
tòa:** Bà **Lê Thị Ngọc Phấn** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 01 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 122/2020/TLST- DS ngày 18 tháng 5 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng P**, sinh năm 1972; (Có mặt)

Địa chỉ: Số X, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre

Bị đơn: Bà **Trần Thị Thùy L**, sinh năm 1978; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số Z, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/4/2020, bản tự khai, biên bản đối chất, hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày:

Vào ngày 24/02/2015, bà P có cho bà Trần Thị Thùy L vay số tiền là 100.000.000 đồng, không lãi suất, có làm văn bản mượn tiền tại văn phòng Công

chứng Lê Hùng Dũng. Thỏa thuận mỗi tháng bà L trả cho bà P là 2.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 05/3/2015. Nhưng đến ngày 05/01/2020 bà L chỉ trả được 30.500.000 đồng. Do bà L không trả lãi cho bà P như thỏa thuận. Bà P nhiều lần đến gặp bà L yêu cầu trả nợ nhưng bà L không trả. Nay bà P yêu cầu một mình bà Trần Thị Thùy L trả cho bà P số tiền vốn đã vay còn lại là 69.500.000 đồng. Bà P không yêu cầu tính lãi.

Trong biên bản làm việc ngày 11/6/2020, bản tự khai, biên bản đối chất, hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị Thùy L trình bày:

Vào năm 2013, bà L không nhớ rõ ngày tháng, bà P có ra cho bà L một phần hui số tiền là 29.000.000 đồng, thực chất là bà L mượn bà P số tiền này. Mỗi tháng sẽ góp cho bà P là 2.000.000 đồng cho đến khi đủ 40.000.000 đồng là xong. Thực tế mỗi tháng bà L giao cho bà P từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng, tháng nào không trả thì đóng lãi 200.000 đồng. Đến năm 2015, bà P kêu bà L ra văn phòng công chứng để làm giấy mượn tiền, do không biết chữ nên bà L không biết nội dung tờ giấy mượn tiền và nghĩ chỉ làm giấy mượn tiền số tiền 40.000.000 đồng nên bà L có lấn tay vào giấy mượn tiền này. Bà L thừa nhận dấu lấn tay trong giấy mượn tiền là của bà L. Hai ngày sau bà P mới nói bà L biết là làm giấy mượn số tiền 100.000.000 đồng. Do sợ gia đình chồng biết nên bà L không có ý kiến và tiếp tục góp tiền cho bà P cho đến cuối năm 2019 số tiền tổng cộng là 61.000.000 đồng thì bà L không còn khả năng đóng nữa. Đối với yêu cầu của bà P bà L không đồng ý. Đối với số tiền đã trả cho bà P là 61.000.000 đồng thì bà L không có ý kiến, yêu cầu gì.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Các bên đương sự tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng P đối với bà Trần Thị Thùy L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bà Trần Thị Thùy L có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Hồng P số tiền hui còn nợ là 69.500.000 đồng, bà P không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị Thùy L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên HĐXX

tiến hành xét xử vắng mặt bà L là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn bà Trần Thị Thùy L có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Bà P khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Thùy L trả số tiền vay còn nợ là 69.500.000 đồng, bà P không yêu cầu tính lãi. Bà Trần Thị Thùy L cho rằng chỉ vay của bà P số tiền 40.000.000 đồng và đã trả cho bà P số tiền là 61.000.000 đồng nên không đồng ý theo yêu cầu của bà P.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Bà Trần Thị Thùy L thừa nhận có lẫn tay vào giấy mượn tiền được chứng thực tại văn phòng công chứng Lê Hùng Dũng ngày 24/02/2015. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là chứng cứ không phải chứng minh.

[3.2] Bà L cho rằng chỉ mượn của bà P số tiền 40.000.000 đồng và đã trả cho bà P được 61.000.000 đồng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã ra thông báo số 122 ngày 11/6/2020 về việc yêu cầu bà L cung cấp chứng cứ chứng minh việc bà L đã trả tiền cho bà P nhưng bà L không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì. Bà L cho rằng chỉ mượn của bà P số tiền 40.000.000 đồng, do không biết chữ nên đã lẫn tay vào giấy mượn tiền và bà L không biết nội dung giấy mượn tiền là mượn số tiền 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại biên bản làm việc ngày 11/6/2020, biên bản hòa giải, đối chất và tại phiên tòa bà L đều xác định 02 ngày sau kể từ ngày lẫn tay thì bà P đã thông báo cho bà L biết trong giấy mượn tiền ghi số tiền là 100.000.000 đồng và bà L không có ý kiến gì. Theo lời của bà L thì bà L đã tiếp tục trả tiền cho bà P được số tiền là 61.000.000 đồng từ năm 2015 đến năm 2019. Tại biên bản xác minh ngày 21/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành với ông Lê Hùng Dũng là Trưởng Văn phòng Công chứng Lê Hùng Dũng đã xác nhận: nội dung giấy mượn tiền là do hai bên thống nhất nội dung trình bày cho thư ký văn phòng đánh máy; văn phòng có đọc lại nội dung cho các bên nghe thống nhất ký tên và lẫn tay vào giấy mượn tiền trước mặt công chứng viên Lê Hùng Dũng, việc công chứng giấy mượn tiền là đúng quy định pháp luật. Điều này cho thấy bà L đã biết và mặc nhiên thừa nhận mượn của bà P số tiền

100.000.000 đồng. Bà L cũng không có chứng cứ để chứng minh việc mình đã trả cho bà P số tiền 61.000.000 đồng như bà L trình bày và bà L không có yêu cầu Tòa án xem xét lại số tiền đã trả cho bà P nên không xét đến. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng P là phù hợp với quy định tại 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015; buộc bà Trần Thị Thùy L trả cho Nguyễn Thị Hồng P số tiền 69.500.000 đồng là phù hợp. Bà Nguyễn Thị Hồng P tự nguyện chỉ yêu cầu một mình bà Trần Thị Thùy L trả nợ và không yêu cầu tính lãi nên ghi nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Trần Thị Thùy L phải chịu là 69.500.000 đồng x 5% = 3.475.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 357; 429; 463; 466; 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 26; Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 74, Điều 227, Điều 228, Điều 147; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng P đối với bà Trần Thị Thùy L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bà Trần Thị Thùy L có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Hồng P số tiền còn nợ là 69.500.000 (Sáu mươi chín triệu năm trăm nghìn) đồng. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Hồng P không yêu cầu tính lãi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

2. Về án phí dân sự có giá ngạch: Bà Trần Thị Thùy L phải chịu là 3.475.000 (Ba triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND X. T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Hiền